

Bản án số: **83/2021/HS-ST**
Ngày: 16-12-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Ngưỡng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Thị T; Sinh năm 1980 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần D (đã chết) và bà Hồ Thị C (đã chết); Có chồng là Nguyễn Đình H, sinh năm 1975; Con: có 06 người (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền sự: 01 (ngày 09/01/2021 có hành vi khai thác cát trái phép bị Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 15.000.000 đồng theo Quyết định số 3026/QĐ-XPHC ngày 01/02/2021); tiền án: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày ; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1975; trú tại: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Anh Nguyễn H, sinh năm 1987; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1985; vắng mặt.

Cùng trú tại: phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Ngô Thị T, sinh năm 1972; trú tại: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05 tháng 8 năm 2021, Trần Thị T cùng với Nguyễn Đình H, Nguyễn H và Trần Thị T sử dụng đồ bằng kim loại đi đến khu vực sông H thuộc xã T, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế để khai thác cát. Đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, khi T cùng với H, H và T đang khai thác được 01m³ cát thì bị Công an thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện. Qua kiểm tra, T, H, H và T không xuất trình được giấy phép khai thác cát. Vị trí T, H, H và T khai thác cát không thuộc khu vực được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác cát nên Công an thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế đã lập biên bản và thu giữ phương tiện cùng số cát trên ghe.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định trưng cầu giám định số 127/QĐ-CSKT, trưng cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế giám định xác định loại cát.

Tại Công văn số 2885/STNMT-TN ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế trả lời như sau: “Loại cát (mẫu cát theo báo cáo số 30/GĐ-GDH của Chi cục Giám định xây dựng) mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại đồ để thực hiện hành vi khai thác cát, sỏi trái phép của Trần Thị T, Trần Thị T, Nguyễn Đình H, Nguyễn H đã có hành vi khai thác trái phép trên sông Hương thuộc xã T, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế và yêu cầu giám định theo Quyết định 127/QĐ-CSKT ngày 15/9/2021 là loại cát xây có các tính chất cơ lý phù hợp với yêu cầu kỹ thuật về cốt liệu nhỏ dùng trong xây dựng theo TCVN 7529:2006 và đây là tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010. Đồng thời vị trí mà 04 đối tượng Trần Thị T, Trần Thị T, Nguyễn Đình H, Nguyễn H khai thác cát trên sông Hương thuộc xã T, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế là khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trong đó có cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cho tổ chức, cá nhân.”.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Yêu cầu định giá tài sản số 240/CSKT, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế xác định giá trị 01m³ cát xây thời điểm khai thác ngày 05/8/2021.

Tại bản Kết luận định giá về tài sản số 3810/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận như sau: 01m³ cát xây có giá trị là 212.224 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01m³ cát xây;
- 01 đồ bằng kim loại, 01 gàu bằng kim loại và 01 máy quay bằng kim loại.

Đối với Nguyễn Đình H, Nguyễn H và Trần Thị T cùng tham gia với Trần Thị T đi khai khai thác 01m³ cát trái phép vào ngày 05/8/2021 có giá trị 212.224 đồng. H, H và T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị kết án về tội quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự nên hành vi của Nguyễn Đình H, Nguyễn H và Trần Thị T không phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự. Công an thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế đã đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính đối với Nguyễn Đình H, Nguyễn H và Trần Thị T mỗi người 25.000.000 đồng.

Đối với bà Ngô Thị T quá trình điều tra xác định: Ngô Thị T không biết cũng như không có hứa hẹn mua cát của Trần Thị T, Nguyễn Đình H, Nguyễn H và Trần Thị T nên không có cơ sở xử lý đối với Ngô Thị T.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 32/QĐ-VKS-TTH-P1 ngày 29/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 227; các điểm h, i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Đối với 01m³ cát là tài sản của Nhà nước, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 đồ bằng kim loại, 01 gàu bằng kim loại và 01 máy quay bằng kim loại. Đây là phương tiện, công cụ mà bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Do cần tiền để tiêu xài nên vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05 tháng 8 năm 2021, Trần Thị T cùng Nguyễn Đình H, Nguyễn H và Trần Thị T không có giấy phép khai thác cát đã có hành vi khai

thác trái phép 01m³ cát thuộc khu vực sông Hương thuộc xã T, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế có trị giá 212.224 đồng.

Do bị cáo Trần Thị T có 01 tiền sự về hành vi khai thác cát trái phép nên đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015 và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức biết được hành vi sử dụng đồ, gàu và máy quay để khai thác tại khu vực không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép và không có giấy phép khai thác cát của bị cáo T là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tài nguyên khoáng sản, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và răn đe kẻ khác. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và người phạm tội thành khẩn khai báo; người phạm tội là phụ nữ có thai được quy định tại các điểm h, i, s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm mà tạo điều kiện cho bị cáo lao động tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, nên xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo theo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01m³ cát là tài sản của Nhà nước, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 đồ bằng kim loại, 01 gàu bằng kim loại và 01 máy quay bằng kim loại. Đây là phương tiện, công cụ mà bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; các điểm h, i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt với bản án trước theo quy định tại Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01m³ cát; 01 đồ bằng kim loại, 01 gàu bằng kim loại và 01 máy quay bằng kim loại.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2021 và ngày 09/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân